

## THÔNG BÁO

### Mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua sắm hàng hóa: Mua thiết bị y tế tầm soát sơ sinh

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm thiết bị y tế tầm soát sơ sinh.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp hàng hóa, cụ thể như sau:

#### 1. Thông tin chung về Bên mua

a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

#### 2. Danh mục hàng hóa cần mua và phương án chia phần

2.1. Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa cần mua được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông báo này. Các thông số kỹ thuật nêu theo hướng đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn; nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh mức độ đáp ứng.

| Stt | Tên hàng hóa                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|-------------|----------|
| 1   | Máy tầm soát tim bẩm sinh                        | Cái         | 01       |
| 2   | Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh           | Cái         | 01       |
| 3   | Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) | Cái         | 02       |

Số lượng nêu trên là số lượng dự kiến theo nhu cầu sử dụng; số lượng thực mua theo hợp đồng và kết quả lựa chọn nhà cung cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Phương án chia phần: Gói mua sắm không chia phần; nhà cung cấp phải chào đầy đủ toàn bộ danh mục nêu trên.

2.3. Yêu cầu chung đối với hàng hóa: Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng; có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định; có đầy đủ tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, chứng từ chất lượng, xuất xứ, phiếu bảo hành hoặc tài liệu tương đương; bảo đảm quy cách, điều kiện vận chuyển, bảo quản, lắp đặt, vận hành, đào tạo sử dụng phù hợp nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện.

2.4. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng trong Hồ sơ đề xuất; tiến độ cụ thể được hai bên thương thảo và ghi trong hợp đồng, bảo đảm phù hợp yêu cầu sử dụng của Bệnh viện.

### **3. Điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa**

Không áp dụng; gói mua sắm này không có điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa.

### **4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp**

4.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương hợp lệ; có mã số thuế và đang hoạt động theo quy định; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với hàng hóa chào cung cấp.

4.2. Có khả năng cung cấp đầy đủ, đúng tiến độ, đúng chất lượng toàn bộ danh mục hàng hóa của gói mua sắm.

4.3. Có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, chứng minh bằng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương.

4.4. Có khả năng lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, hướng dẫn vận hành, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và hỗ trợ kỹ thuật đối với thiết bị y tế chào cung cấp.

4.5. Báo giá rõ ràng, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

### **5. Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp**

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất, gồm:

| <b>Stt</b> | <b>Thành phần hồ sơ</b>              | <b>Nội dung yêu cầu</b>  |
|------------|--------------------------------------|--|
| 1          | Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá | Theo mẫu kèm Thông báo; ký tên, đóng dấu.  |
| 2          | Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp       | Đăng ký doanh nghiệp; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp; mã số thuế; thông tin người đại diện hợp pháp. |
| 3          | Báo giá chi tiết từng mặt hàng       | Tên hàng hóa; tên thương mại, mã hàng, model; hãng/nước sản xuất; quy cách; đơn vị tính; số lượng;           |

| Stt | Thành phần hồ sơ           | Nội dung yêu cầu   |
|-----|----------------------------|--|
|     |                            | đơn giá; thành tiền; thuế và chi phí đã gồm trong giá; hiệu lực báo giá tối thiểu ..... ngày.  |
| 4   | Hồ sơ pháp lý của hàng hóa | Số lưu hành/giấy phép nhập khẩu/hồ sơ công bố hoặc tài liệu pháp lý tương đương theo quy định áp dụng đối với thiết bị y tế.   |
| 5   | Tài liệu kỹ thuật          | Catalogue, hướng dẫn sử dụng, phiếu thông tin sản phẩm, cấu hình kỹ thuật, tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương.                                      |
| 6   | Năng lực, kinh nghiệm      | Hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự, nghiệm thu, thanh lý, hóa đơn, quyết định trúng thầu/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc tài liệu tương đương. |
| 7   | Cam kết thực hiện          | Tiến độ giao hàng; lắp đặt, chạy thử; đào tạo sử dụng; bảo hành, bảo trì, đổi trả; hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng.  |
| 8   | Tài liệu khác              | Tài liệu nhà cung cấp thấy cần thiết để chứng minh năng lực, khả năng cung cấp, chất lượng hàng hóa và tính hợp lý của phương án cung cấp.                                     |

Hồ sơ không hợp lệ, không đầy đủ hoặc nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét. Nội dung Hồ sơ đề xuất, nếu nhà cung cấp được lựa chọn và thống nhất qua thương thảo, là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu; Bệnh viện không hoàn trả Hồ sơ đề xuất đã nộp.

## 6. Nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp

6.1. Việc lựa chọn thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp: chất lượng hàng hóa; mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; năng lực cung ứng và hỗ trợ kỹ thuật; kinh nghiệm thực hiện; giá chào. Bệnh viện không lựa chọn nhà cung cấp chỉ căn cứ vào giá thấp nhất.

6.2. Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm tối thiểu và có tổng điểm cao nhất theo Mục 7.

6.3. Việc đánh giá được lập thành bảng tổng hợp, có nhận xét và chữ ký của bộ phận được giao đánh giá, làm căn cứ thương thảo và lập Tờ trình đề nghị Giám đốc Bệnh viện phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

## 7. Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất

### 7.1. Điều kiện bắt buộc (đạt/không đạt)

Nhà cung cấp chỉ được đưa vào chấm điểm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tư cách pháp lý hợp lệ, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đang hoạt động

theo quy định;

b) Toàn bộ hàng hóa chào cung cấp có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam;

c) Toàn bộ hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại Mục 2 và Phụ lục 01 của Thông báo này;

d) Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo đảm nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, an toàn và mục đích sử dụng tại Bệnh viện;

đ) Cam kết tiến độ cung cấp, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật; không làm gián đoạn hoạt động chuyên môn;

e) Cam kết bảo hành, đổi trả hàng hóa lỗi, không đạt chất lượng hoặc không đúng Hồ sơ đề xuất, báo giá và hợp đồng;

g) Báo giá hợp lệ, còn hiệu lực; hồ sơ nộp đúng thời hạn.

Kết quả đánh giá điều kiện bắt buộc được lập thành bảng, ghi rõ tài liệu căn cứ đối với từng điều kiện của từng nhà cung cấp.

## 7.2. Tiêu chí và mức điểm

Mỗi tiêu chí được chấm theo một trong ba mức điểm cố định quy định dưới đây; không cho điểm ngoài ba mức quy định. Việc xếp mức căn cứ tài liệu có trong Hồ sơ đề xuất; nội dung không có tài liệu chứng minh thì không được tính khi xếp mức.

| Tiêu chí   | Mức 1   | Mức 2   | Mức 3  |
|--|---|---|--|
| 1. Chất lượng, kỹ thuật hàng hóa (tối đa 40 điểm)                  | 40: 100% danh mục có thông số bằng hoặc tốt hơn yêu cầu; từng mặt hàng có catalogue/tài liệu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng (CO/CQ/ISO/CE hoặc tương đương).   | 32: 100% danh mục đạt yêu cầu; tài liệu chứng minh của một số mặt hàng không chủ yếu phải làm rõ. | 24: Đạt yêu cầu kỹ thuật tối thiểu sau khi qua điều kiện bắt buộc. |
| 2. Cung ứng, giao nhận, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật (tối đa 20 điểm) | 20: Chứng minh nguồn cung bằng ủy quyền phân phối/hợp đồng nguyên tắc/xác nhận tồn kho hoặc tài liệu tương đương; cam kết lượng hóa bằng số về thời gian giao hàng, thời gian phản hồi sự cố, thời hạn đổi trả. | 14: Có đầy đủ cam kết nhưng chưa lượng hóa thời hạn hoặc chưa chứng minh rõ nguồn cung.           | 8: Cam kết ở mức tối thiểu theo Thông báo.                         |
| 3. Kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp (tối đa 10 điểm)             | 10: Từ 03 hợp đồng tương tự có nghiệm thu/thanh lý/hóa đơn, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng với cơ sở y tế.   | 6: Có 01-02 hợp đồng tương tự có tài liệu chứng minh.   | 2: Chưa chứng minh được hợp đồng tương tự.                         |

| Tiêu chí                | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3 |
|-------------------------|--|-------|-------|
| 4. Giá (tối đa 30 điểm) | Tính theo giá trung bình hợp lệ tại Mục 7.4. |       |       |

### 7.3. Phương pháp chấm và tổng hợp điểm

Bệnh viện tổ chức đánh giá Hồ sơ đề xuất trên cơ sở điều kiện bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, mức điểm và tài liệu do nhà cung cấp nộp theo Thông báo này. Nội dung không có tài liệu chứng minh trong Hồ sơ đề xuất thì không được tính điểm.

Kết quả đánh giá được tổng hợp thành bảng chấm điểm, có nhận xét đối với từng nhà cung cấp, làm căn cứ thương thảo và lập hồ sơ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

### 7.4. Cách tính điểm giá theo giá trung bình hợp lệ

a) Điểm giá được tính theo công thức:

$$\text{Điểm giá} = (\text{Giá trung bình hợp lệ} / \text{Giá của nhà cung cấp đang xét}) \times 30$$

Điểm giá của nhà cung cấp không vượt quá 30 điểm. Nhà cung cấp có giá chào bằng hoặc thấp hơn giá trung bình hợp lệ được tính điểm tối đa của tiêu chí giá; việc xếp hạng giữa các nhà cung cấp này được quyết định bởi các tiêu chí chất lượng, kỹ thuật, năng lực, kinh nghiệm và hiệu quả tổng thể của Hồ sơ đề xuất.

b) Giá trung bình hợp lệ là trung bình cộng các báo giá hợp lệ của các nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc và được đưa vào chấm điểm.

c) Giá dùng để tính điểm là giá đã bao gồm thuế, phí, vận chuyên, giao hàng, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, đào tạo, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và toàn bộ chi phí liên quan đến việc cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Thông báo, Hồ sơ đề xuất và Dự thảo hợp đồng.

d) Trường hợp giá chào thấp bất thường hoặc có dấu hiệu không đủ để thực hiện gói mua sắm, Bệnh viện yêu cầu nhà cung cấp giải trình, làm rõ cơ sở hình thành giá và khả năng thực hiện theo giá đã chào. Nhà cung cấp không giải trình, giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được khả năng thực hiện theo giá đã chào thì Hồ sơ đề xuất không được xem xét lựa chọn và báo giá đó không được đưa vào tính giá trung bình hợp lệ.

đ) Trường hợp nhà cung cấp được xem xét lựa chọn có giá chào thấp hơn đáng kể so với giá trung bình hợp lệ nhưng giải trình hợp lý và chứng minh được khả năng thực hiện, Bệnh viện có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp kiểm soát trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng: yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; thanh toán theo từng đợt giao hàng được nghiệm thu; quy định cụ thể chế tài vi phạm tiến độ, chất lượng và quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định.

### 7.5. Ngưỡng lựa chọn và xếp hạng

Nhà cung cấp được đề xuất lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc và có tổng điểm từ 70/100 trở lên, xếp hạng theo tổng điểm từ cao xuống thấp. Trường hợp đồng điểm, ưu tiên theo thứ tự: điểm chất lượng, kỹ thuật hàng hóa cao hơn; điểm cung ứng, hỗ trợ kỹ thuật cao hơn; giá chào thấp hơn. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất, Bệnh viện vẫn xem xét lựa chọn nếu đáp ứng điều kiện bắt buộc, đạt ngưỡng điểm và giá hợp lý theo kết quả đánh giá, thẩm định.

## 8. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất

8.1. Thời hạn nộp: **Trước 11 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2026.**

8.2. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ đóng gói, dán kín, niêm phong.

8.3. Địa điểm nhận: Phòng Tổ chức - Hành chính (bộ phận văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Nhà cung cấp được nộp bổ sung, làm rõ hoặc thay thế Hồ sơ đề xuất trước thời hạn nộp tại khoản 8.1. Hồ sơ nộp sau thời hạn sẽ không được xem xét, trừ trường hợp Bệnh viện thông báo gia hạn; chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu, Bệnh viện không hoàn trả hồ sơ.

8.5. Trong quá trình đánh giá, Bệnh viện có quyền yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung Hồ sơ đề xuất bằng văn bản. Việc làm rõ không được làm thay đổi bản chất hàng hóa chào cung cấp, giá chào và các nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp.

8.6. Trường hợp cần thiết, Bệnh viện sửa đổi, bổ sung nội dung Thông báo bằng văn bản và công khai theo cùng phương thức phát hành Thông báo này; thời hạn nộp được gia hạn tương ứng nếu việc sửa đổi ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Hồ sơ đề xuất.

## 9. Trách nhiệm của nhà cung cấp

9.1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; bảo đảm hàng hóa đúng như Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật và hợp đồng ký kết.

9.2. Không thay đổi chủng loại, mã hàng, model, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật khi chưa có văn bản chấp thuận của Bệnh viện.

9.3. Trường hợp phát hiện tài liệu không trung thực, hàng hóa không đúng cam kết hoặc nhà cung cấp không bảo đảm khả năng thực hiện, Bệnh viện có quyền từ chối lựa chọn, hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý theo hợp đồng và quy định liên quan.

9.4. Nhà cung cấp cam kết không thông đồng, không thỏa thuận với nhà cung

cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

## **10. Trách nhiệm của Bệnh viện**

10.1. Tổ chức tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất khách quan, minh bạch, căn cứ nhu cầu chuyên môn, tiêu chí đánh giá và hồ sơ do nhà cung cấp nộp.

10.2. Giám đốc Bệnh viện căn cứ kết quả đánh giá, kết quả thẩm định, nhu cầu sử dụng, tính hợp lý của giá và hiệu quả tổng thể để quyết định lựa chọn nhà cung cấp; có quyền không lựa chọn hoặc hủy việc mua sắm khi hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, giá không hợp lý hoặc việc mua sắm không còn phù hợp nhu cầu thực tế.

10.3. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp là căn cứ để hai bên thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo quy định.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo và mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia nộp Hồ sơ đề xuất theo nội dung nêu trên./.

*Đính kèm Thông báo:*

- (1) Phụ lục danh mục hàng hóa và yêu cầu kỹ thuật cơ bản;*
- (2) Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá;*
- (3) Dự thảo Hợp đồng.*

**Nơi nhận:**

- Phổ biến rộng rãi;
- Website Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, HS-SS.

**GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN**

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-BVPSTG ngày ..... 6//2026  
của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang)*

Các thông số kỹ thuật nêu dưới đây được hiểu theo hướng đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn; nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, catalogue hoặc tài liệu tương đương để chứng minh mức độ đáp ứng.

**I. Danh mục hàng hóa**

| Stt | Tên hàng hóa                                     | ĐVT | Số lượng | Mô tả chung  |
|-----|--|-----|----------|--|
| 1   | Máy tầm soát tim bẩm sinh                        | Cái | 01       | Thiết bị sàng lọc tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh, theo dõi SpO2, PR, PI; có phần mềm sàng lọc CCHD, lưu trữ thông tin bệnh nhân và kết nối máy tính để in kết quả. |
| 2   | Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh           | Cái | 01       | Thiết bị kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh, hỗ trợ đo TEOAE/DPOAE, tự động phân tích kết quả, lưu dữ liệu và kết nối in kết quả.                              |
| 3   | Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) | Cái | 02       | Đèn soi hỗ trợ lấy máu tĩnh mạch sơ sinh, kích thước nhỏ gọn, pin sạc, LED ánh sáng đỏ.  |

**II. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản**

**1. Máy tầm soát tim bẩm sinh - số lượng: 01 cái**

*Thiết bị sàng lọc tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh, theo dõi SpO2, PR, PI; có phần mềm sàng lọc CCHD, lưu trữ thông tin bệnh nhân và kết nối máy tính để in kết quả.*

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính có pin sạc và tích hợp phần mềm sàng lọc tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh (CCHD): 01 cái.
- Cáp nối: 01 cái.
- Sensor SpO2 loại dùng một lần cho sơ sinh: 10 cái.
- Dây nguồn: 01 cái.
- Xe đẩy máy: 01 cái.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Sử dụng công nghệ có thể đo tốt trong trường hợp bệnh nhân chuyển động hoặc có chỉ số tưới máu thấp.
- Theo dõi được các chỉ số: SpO2 - độ bão hòa oxy trong máu; PR - nhịp mạch; PI - chỉ số tưới máu.
- Có tích hợp phần mềm sàng lọc tim bẩm sinh, lưu trữ thông tin bệnh nhân và kết nối máy

tính để in kết quả.

- Có thể nâng cấp theo dõi các chỉ số SpMet, SpCO, SpHb.
- Thời gian theo dõi xu hướng Trend lên đến  $\geq 96$  giờ.
- Có thể lựa chọn cài đặt cho từng đối tượng bệnh nhân: trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.
- Màn hình màu HD 1080p, hiển thị LCD, có thể điều chỉnh độ sáng.
- Màn hình có thể tự động xoay theo kiểu đặt của máy; màn hình cảm ứng đa điểm.
- Cảm biến ánh sáng giúp tự động điều chỉnh độ sáng màn hình để tối ưu hóa khả năng hiển thị trong các cài đặt khác nhau.
- Có tích hợp chân xoay để cho phép đặt máy theo chiều dọc.
- Pin sạc loại Li-ion, thời gian sử dụng  $\geq 7$  giờ, thời gian sạc  $\leq 3$  giờ.
- Lựa chọn giao tiếp: WiFi (802.11abg), Bluetooth LE, giao diện báo gọi y tá, Ethernet, cổng USB.
- Nguồn điện 110/220 VAC, 47 - 63 Hz; báo động bằng hình ảnh và âm thanh; có đèn hiển thị trạng thái của hệ thống.
- Dây đo và độ chính xác SpO<sub>2</sub>: với độ bão hòa 70% đến 100%. Sai số khi không chuyển động: người lớn/nhi khoa/trẻ em  $\leq 2\%$ , trẻ sơ sinh  $\leq 3\%$ ; sai số khi chuyển động: người lớn/nhi khoa/trẻ em/trẻ sơ sinh  $\leq 3\%$ ; sai số khi chỉ số tưới máu thấp: người lớn/nhi khoa/trẻ em/trẻ sơ sinh  $\leq 2\%$ .
- Với độ bão hòa 60% đến 80%: sai số khi không chuyển động đối với người lớn/nhi khoa/trẻ sơ sinh:  $\leq 3\%$ .
- Nhịp tim PR: dải đo từ  $\leq 25$  đến  $\geq 240$  nhịp/phút; sai số khi không chuyển động  $\leq 3$  bpm; khi có chuyển động  $\leq 5$  bpm; khi chỉ số tưới máu thấp  $\leq 3$  bpm.

## **2. Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh - số lượng: 01 cái**

*Thiết bị kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh, hỗ trợ đo TEOAE/DPOAE, tự động phân tích kết quả, lưu dữ liệu và kết nối in kết quả.*

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính và đầu dò kèm theo: 01 bộ.
- Bộ đầu tai nghe dùng cho trẻ em, đường kính 3 - 12 mm: 01 hộp.
- Tai giả: 01 cái.
- Chỉ nha khoa: 01 bịch.
- Tháo đầu dò: 01 cái.
- Hướng dẫn kỹ thuật máy: 01 bộ.
- Túi đựng máy: 01 cái.
- Điện thoại và phần mềm trước khi cài đặt: 01 bộ.
- Máy in Bluetooth cầm tay: 01 máy.
- Hộp bảo vệ: 01 cái.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Công nghệ đo TEOAE.
- Khoảng tần số đầu dò OAE: 500 - 5000 Hz; cường độ kích thích: 30 - 90 dB SPL.

- Phổ kích thích phẳng: dải tần số 1 - 4 kHz không lớn hơn 6 dB; dải tần số 0,5 - 5 kHz không lớn hơn 15 dB; độ nhiễu vào ở tần số 500 - 5000 Hz không lớn hơn 15 dB.
- Công nghệ đo DPOAE: khoảng tần số 0,5 - 12 kHz; cường độ kích thích 0 - 70 dB SPL; điều biến intermodulation bậc 3 kích thích không lớn hơn -80 dB.
- Tự động phân tích kết quả; có chỉ thị chất lượng tín hiệu đầu dò.
- Số bài test được lưu trong bộ nhớ điện thoại > 10.000; số bệnh nhân được lưu trong bộ nhớ điện thoại > 10.000.
- Chế độ thu nhận OAE tiêu thụ điện năng thiết bị: 350 mW.
- Thời gian vận hành khi pin sạc đầy: hơn 10 giờ.
- Tương tác kết nối: Bluetooth/USB.
- Điện áp cung cấp cho thiết bị: 5V.
- Khối lượng: không lớn hơn 0,07 kg; tổng khối lượng đủ phụ kiện không lớn hơn 1 kg.
- Độ an toàn: BF; bảo vệ shock điện với nguồn cấp điện trong.

### **3. Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) - số lượng: 02 cái**

*Đèn soi hỗ trợ lấy máu tĩnh mạch sơ sinh, kích thước nhỏ gọn, pin sạc, LED ánh sáng đỏ.*

a) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Kích thước khoảng 165 x 38,5 x 34 mm.
- Cân nặng khoảng 200 g, kể cả pin.
- LED: 03 đèn nhỏ bên trong, màu đỏ 620 - 630 nm.
- Nhiệt độ an toàn: 60 độ C.
- Đầu vào: 100 - 200V, đầu sạc Type C; đầu ra: 5V.
- Pin: 3,7V 1600 mAh, có thể sạc lại, Li-ion.
- Điều kiện hoạt động: 10 độ C đến 40 độ C, độ ẩm không khí 30% - 85% RH.
- Điều kiện bảo quản: -20 độ C đến +60 độ C, độ ẩm không khí 10% - 95% RH./.

**PHỤ LỤC 02**  
**VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ**  
**Gói mua sắm hàng hóa: Mua thiết bị y tế tầm soát sơ sinh**

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Sau khi nghiên cứu kỹ Thông báo, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá và Dự thảo hợp đồng, chúng tôi nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá với nội dung sau:

**I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP**

| <b>Nội dung</b>                       | <b>Thông tin kê khai</b> |
|---------------------------------------|--------------------------|
| Tên nhà cung cấp                      |                          |
| Địa chỉ trụ sở                        |                          |
| Mã số thuế                            |                          |
| Điện thoại/Email                      |                          |
| Người đại diện theo pháp luật/Chức vụ |                          |
| Tài khoản ngân hàng                   |                          |

**II. BÁO GIÁ VÀ HÀNG HÓA CHÀO CUNG CẤP**

| <b>Stt</b> | <b>Tên hàng hóa</b>                              | <b>Tên thương mại/Mã hàng</b> | <b>Model/ Quy cách</b> | <b>Hãng SX/N ước SX</b> | <b>ĐVT</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành tiền</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--|-------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|-----------------|----------------|-------------------|----------------|
| 1          | Máy tầm soát tim bẩm sinh                        |                               |                        |                         | Cái        | 01              |                |                   |                |
| 2          | Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh           |                               |                        |                         | Cái        | 01              |                |                   |                |
| 3          | Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) |                               |                        |                         | Cái        | 02              |                |                   |                |

Giá chào đã bao gồm thuế, phí, vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì và toàn bộ chi phí liên quan để hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu và sử dụng theo yêu cầu của Bệnh viện.

Hiệu lực của báo giá: tối thiểu ..... ngày kể từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

**III. CAM KẾT CỦA NHÀ CUNG CẤP**

1. Hàng hóa chào cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng. Toàn bộ hàng hóa có nguồn

gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý, chất lượng và thông số kỹ thuật đúng như Hồ sơ đề xuất.

2. Hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cơ bản tại Thông báo và Phụ lục kèm theo; trường hợp chào thông số tương đương hoặc tốt hơn, nhà cung cấp gửi tài liệu chứng minh kèm theo.

3. Cung cấp đúng tiến độ, số lượng, chất lượng theo hợp đồng; thực hiện đầy đủ lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, đổi trả hàng lỗi và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

5. Không thông đồng, thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP  
BỆNH VIỆN  
PHỤ SẢN TIỀN GIANG**

Số: ...../HD-BVPSTG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Tháp, ngày ..... tháng ..... năm 2026*

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

**Mua sắm hàng hóa: Mua thiết bị y tế tầm soát sơ sinh**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;*

*Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-BVPSTG ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua sắm thiết bị y tế tầm soát sơ sinh;*

*Căn cứ Thông báo số ...../TB-BVPSTG ngày ...../...../2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua sắm thiết bị y tế tầm soát sơ*

sinh;

*Căn cứ Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày ...../...../2026 của [tên nhà cung cấp];*

*Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện nội dung cung cấp hàng hóa ngày ...../...../2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và [tên nhà cung cấp];*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BVPSTG ngày ...../...../2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm thiết bị y tế tầm soát sơ sinh.*

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm:

**Bên mua (Bên A): BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TIỀN GIANG**

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông/Bà ..... Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: ..... tại Ngân hàng .....

**Bên bán (Bên B): [TÊN NHÀ CUNG CẤP]**

Địa chỉ: .....

Đại diện: Ông/Bà ..... Chức vụ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản số: ..... tại Ngân hàng .....

Sau khi bàn bạc trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, trung thực, hợp tác và phù hợp quy định của pháp luật, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi và tài liệu hợp đồng**

1.1. Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A và Bên A đồng ý mua của Bên B hàng hóa thuộc gói mua sắm Mua thiết bị y tế tầm soát sơ sinh theo danh mục, số lượng, đơn giá, thành tiền, quy cách, thông số kỹ thuật, yêu cầu chất lượng và tiến độ thực hiện tại các phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

1.2. Hàng hóa cung cấp là thiết bị y tế phục vụ tầm soát sơ sinh, bao gồm máy tầm soát tim bẩm sinh, máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh và đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein); nội dung cụ thể thực hiện theo Hồ sơ đề xuất, Biên bản thương thảo và các phụ lục Hợp đồng.

1.3. Gói mua sắm này không áp dụng điều kiện đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa. Trường hợp phát sinh yêu cầu lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bàn giao kỹ thuật đối với thiết bị mua sắm thì Bên B thực hiện theo Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất và Biên bản thương thảo.

1.4. Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, Biên bản thương thảo, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Trường hợp có nội dung khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng là: Hợp đồng; Phụ

lục Hợp đồng; Biên bản thương thảo; Hồ sơ đề xuất và báo giá của Bên B; Thông báo mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất.

## **Điều 2. Danh mục, chất lượng, quy cách và hồ sơ pháp lý của hàng hóa**

2.1. Bên B phải cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng tên hàng, tên thương mại, mã hàng, model/ký hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói, đơn vị tính, số lượng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các cam kết trong Hồ sơ đề xuất.

2.2. Hàng hóa phải có hồ sơ pháp lý lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định áp dụng đối với thiết bị y tế; bảo đảm nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, an toàn, điều kiện bảo quản và mục đích sử dụng tại Bệnh viện.

2.3. Đối với hàng hóa, vật tư, phụ kiện kèm theo có hạn dùng, hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng phải còn tối thiểu 3/4 tổng hạn dùng của sản phẩm, trừ trường hợp Bên A chấp thuận khác bằng văn bản trước khi giao hàng.

2.4. Hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bảo đảm an toàn trong vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, bảo quản và sử dụng; bao bì, nhãn hàng hóa, tem, ký mã hiệu phải phù hợp quy định và thuận tiện cho truy xuất.

2.5. Bên B không được thay đổi chủng loại, mã hàng, model, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng hoặc bất kỳ nội dung cơ bản nào của hàng hóa đã chào, trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

2.6. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục hoặc xử lý theo Hợp đồng nếu hàng hóa không đúng Hợp đồng, không đúng Hồ sơ đề xuất, không đủ hồ sơ pháp lý, không bảo đảm chất lượng, không phù hợp yêu cầu chuyên môn hoặc không bảo đảm điều kiện sử dụng.

## **Điều 3. Giá trị Hợp đồng, đơn giá và chi phí đã bao gồm**

3.1. Tổng giá trị Hợp đồng: ..... đồng.

Bằng chữ: .....

3.2. Đơn giá hàng hóa được xác định tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này và là căn cứ thanh toán cho khối lượng hàng hóa được Bên A nghiệm thu hợp lệ.

3.3. Giá trị Hợp đồng và đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Bệnh viện, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, hỗ trợ kỹ thuật và toàn bộ chi phí cần thiết để hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu, sử dụng theo yêu cầu của Bên A, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

3.4. Đơn giá không thay đổi trong thời gian hiệu lực Hợp đồng, trừ trường hợp điều chỉnh được hai bên thỏa thuận bằng văn bản, phù hợp quy định của Bên A và không làm trái hồ sơ mua sắm đã được phê duyệt.

3.5. Bên A không thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào ngoài Hợp đồng nếu khoản chi phí đó không được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

## **Điều 4. Thời gian, tiến độ, địa điểm và phương thức giao nhận**

4.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng: từ ngày ...../...../2026 đến ngày ...../...../2026 hoặc đến khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.2. Tiến độ giao hàng: Bên B giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng và bàn giao theo tiến độ tại Phụ lục 03, Hồ sơ đề xuất và Biên bản thương thảo. Trường hợp cần điều chỉnh tiến độ, phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

4.3. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp; địa điểm cụ thể do Bên A chỉ định khi tiếp nhận, lắp đặt và bàn giao.

4.4. Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển, bốc xếp, giao hàng đến đúng địa điểm do Bên A chỉ định; chịu mọi rủi ro, mất mát, hư hỏng trong quá trình vận chuyển, bốc xếp cho đến khi hàng hóa được Bên A kiểm tra, tiếp nhận hợp lệ.

4.5. Khi giao hàng, hai bên kiểm tra tên hàng, số lượng, chủng loại, quy cách, hạn dùng nếu có, tình trạng bao bì, điều kiện bảo quản, hồ sơ kèm theo và lập Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa.

4.6. Việc Bên A ký biên bản giao nhận không làm mất quyền từ chối, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục hoặc xử lý vi phạm nếu sau đó phát hiện hàng hóa không đạt chất lượng, không đúng Hợp đồng hoặc không phù hợp yêu cầu sử dụng.

### **Điều 5. Kiểm tra, nghiệm thu và điều kiện tiếp nhận hàng hóa**

5.1. Hàng hóa chỉ được nghiệm thu khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất và các điều kiện chuyên môn, kỹ thuật do Bên A xác định trong hồ sơ mua sắm.

5.2. Bên A có quyền kiểm tra thực tế, đối chiếu hồ sơ, yêu cầu làm rõ, yêu cầu cung cấp mẫu, yêu cầu chạy thử, yêu cầu kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn hoặc kiểm tra chất lượng khi cần thiết.

5.3. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu nghiệm thu, Bên B phải thu hồi, đổi trả, giao lại, khắc phục hoặc thay thế trong thời hạn do Bên A yêu cầu và chịu toàn bộ chi phí phát sinh.

5.4. Trường hợp hàng hóa liên quan trực tiếp đến hoạt động chuyên môn, sàng lọc sơ sinh, an toàn người bệnh hoặc vận hành hệ thống, Bên A có quyền tạm ngừng sử dụng, không nghiệm thu hoặc yêu cầu Bên B chứng minh thêm về chất lượng, tính tương thích, tính ổn định trước khi tiếp nhận.

5.5. Hồ sơ nghiệm thu gồm tối thiểu: Biên bản giao nhận, nghiệm thu; hóa đơn hợp lệ; phiếu giao hàng/phiếu xuất kho; hồ sơ pháp lý, chứng từ chất lượng, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, giấy bảo hành hoặc tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A.

### **Điều 6. Lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng và bàn giao kỹ thuật**

6.1. Điều này áp dụng đối với hàng hóa có yêu cầu lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng, bàn giao kỹ thuật hoặc hướng dẫn vận hành. Nội dung đặt thiết bị sử dụng tương thích kèm theo hàng hóa không áp dụng đối với Hợp đồng này.

6.2. Bên B có trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, hiệu chỉnh, kết nối, đào tạo sử dụng, bàn giao, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và hỗ trợ kỹ thuật đối với hàng hóa, phụ kiện, phần mềm hoặc hệ thống kèm theo theo Phụ lục Hợp đồng.

6.3. Hàng hóa sau lắp đặt phải vận hành ổn định, an toàn, phù hợp nguyên lý kỹ thuật, công suất, điều kiện sử dụng tại Bệnh viện; có tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, quy trình

vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, nội kiểm nếu có.

6.4. Thiết bị chỉ được đưa vào sử dụng sau khi hai bên lập Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử và bàn giao. Biên bản phải ghi rõ tên thiết bị, model, số serial, hãng sản xuất, nước sản xuất, tình trạng thiết bị, kết quả chạy thử, tài liệu bàn giao và kết luận nghiệm thu.

6.5. Toàn bộ chi phí lắp đặt, chạy thử, đào tạo, vận hành thử, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thiết bị thay thế hoặc phương án thay thế do Bên B chịu, trừ trường hợp Hợp đồng quy định khác.

6.6. Trường hợp thiết bị không đáp ứng yêu cầu, vận hành không ổn định, ảnh hưởng chất lượng chuyên môn hoặc làm gián đoạn hoạt động của Bên A, Bên A có quyền yêu cầu Bên B khắc phục, sửa chữa, thay thế, cung cấp phương án thay thế, tạm ngừng sử dụng hàng hóa liên quan, không thanh toán phần chưa nghiệm thu hoặc áp dụng chế tài theo Hợp đồng.

### **Điều 7. Bảo hành, đổi trả, bảo trì, bảo dưỡng và hỗ trợ kỹ thuật**

7.1. Bên B bảo hành hàng hóa, thiết bị, phụ kiện, linh kiện, phần mềm hoặc hệ thống kèm theo trong thời hạn ..... tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hoặc theo thời hạn bảo hành của nhà sản xuất nếu thời hạn đó dài hơn.

7.2. Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có lỗi do nhà sản xuất, lỗi kỹ thuật, lỗi chất lượng, không đúng thông số đã cam kết hoặc không phù hợp mục đích sử dụng, Bên B phải đổi mới, sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế mà không làm phát sinh chi phí cho Bên A.

7.3. Thời gian phản hồi yêu cầu hỗ trợ hoặc sự cố: không quá ..... giờ kể từ khi nhận thông báo của Bên A. Thời gian khắc phục sự cố: không quá ..... giờ/ngày làm việc, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

7.4. Bên B phải có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ nếu nhà sản xuất hoặc Bên A yêu cầu; có nhật ký bảo trì, phiếu công tác hoặc tài liệu ghi nhận mỗi lần hỗ trợ kỹ thuật; trường hợp hư hỏng kéo dài có nguy cơ gián đoạn hoạt động của Bên A, Bên B phải cung cấp thiết bị thay thế hoặc phương án thay thế tương đương.

7.5. Bên B phải duy trì đầu mối kỹ thuật đủ năng lực trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng; mọi thay đổi đầu mối kỹ thuật phải thông báo cho Bên A.

### **Điều 8. Thanh toán và hồ sơ thanh toán**

8.1. Bên A thanh toán cho Bên B theo giá trị hàng hóa thực tế đã giao, đã được nghiệm thu và có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

8.2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản hợp pháp của Bên B ghi tại Hợp đồng này.

8.3. Thời hạn thanh toán: trong vòng ..... ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, phù hợp tiến độ và nguồn tài chính của Bên A.

8.4. Hồ sơ thanh toán gồm: hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa; phiếu xuất kho/phiếu giao hàng hoặc tài liệu tương đương; hồ sơ chứng minh nguồn gốc, chất lượng, pháp lý của hàng hóa nếu có yêu cầu; Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử, bàn giao thiết bị nếu áp dụng; các tài liệu khác theo yêu cầu quản lý của Bên A.

8.5. Bên A không thanh toán đối với hàng hóa không đúng Hợp đồng, không được nghiệm thu, không có hồ sơ hợp lệ, đã bị từ chối tiếp nhận hoặc đang trong quá trình xử lý

tranh chấp về chất lượng, số lượng, nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý.

8.6. Trường hợp Bên B có nghĩa vụ bồi thường, phạt vi phạm, hoàn trả chi phí hoặc khắc phục vi phạm, Bên A được quyền tạm giữ, khấu trừ hoặc đối trừ nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

### **Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo đảm bảo hành và kiểm soát rủi ro**

9.1. Tùy kết quả thương thảo và tính chất rủi ro của gói mua sắm, hai bên áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm sau: bảo đảm thực hiện hợp đồng; giữ lại một tỷ lệ giá trị thanh toán; bảo đảm bảo hành; thanh toán theo từng đợt nghiệm thu; không tạm ứng hoặc giảm tỷ lệ tạm ứng; giao hàng đợt đầu với số lượng phù hợp để kiểm chứng năng lực cung ứng nếu cần.

9.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: .....% giá trị Hợp đồng, bằng hình thức [bảo lãnh ngân hàng/đặt cọc/giữ lại thanh toán/hình thức khác phù hợp] hoặc theo nội dung được hai bên thống nhất tại Biên bản thương thảo.

9.3. Giá trị bảo đảm bảo hành hoặc giữ lại bảo hành: .....% giá trị hàng hóa/thiết bị cần bảo hành, được hoàn trả sau khi hết thời hạn bảo hành và Bên B đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành, nếu hai bên có thỏa thuận áp dụng.

9.4. Trường hợp Bên B chào giá thấp hơn đáng kể so với mặt bằng giá trung bình nhưng được lựa chọn do giải trình hợp lý, Bên A có quyền áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro tăng cường theo Biên bản thương thảo và Hợp đồng này.

9.5. Trường hợp hai bên thống nhất không áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc bảo đảm bảo hành, Bên A vẫn giữ quyền tạm giữ, khấu trừ hoặc không thanh toán đối với phần nghĩa vụ bị vi phạm theo Hợp đồng.

### **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

10.1. Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa, lắp đặt, chạy thử, đào tạo, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật đúng Hợp đồng, Hồ sơ đề xuất, Biên bản thương thảo và phụ lục kèm theo.

10.2. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hàng hóa; yêu cầu Bên B cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng từ, mẫu, giải trình hoặc kiểm tra bổ sung khi cần thiết.

10.3. Từ chối tiếp nhận, từ chối nghiệm thu, từ chối thanh toán, yêu cầu đổi trả, yêu cầu khắc phục, yêu cầu bồi thường hoặc áp dụng chế tài nếu Bên B vi phạm Hợp đồng.

10.4. Tạm ngừng thực hiện hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này khi Bên B vi phạm nghiêm trọng hoặc không còn khả năng thực hiện.

10.5. Thanh toán cho Bên B đối với phần hàng hóa đã được nghiệm thu hợp lệ, có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và không thuộc trường hợp bị tạm giữ, khấu trừ hoặc từ chối thanh toán.

10.6. Phối hợp với Bên B trong phạm vi cần thiết để giao nhận, nghiệm thu, lắp đặt, sử dụng, bảo quản hàng hóa, thiết bị và xử lý các vấn đề phát sinh.

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

11.1. Cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, quy cách, thông số kỹ thuật, hạn dùng nếu có, nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ pháp lý và tiến độ theo Hợp đồng.

11.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực, hợp pháp, chính xác của Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, chứng từ pháp lý, nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

11.3. Không tự ý thay đổi hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ kiện, linh kiện, model, mã hàng, hãng sản xuất, nước sản xuất, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, tiến độ giao hàng hoặc các nội dung đã cam kết nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

11.4. Lắp đặt, chạy thử, bàn giao, đào tạo, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, đổi trả, cung cấp thiết bị thay thế hoặc phương án thay thế nếu Hợp đồng có yêu cầu.

11.5. Bảo đảm hàng hóa, thiết bị, phương tiện, nhân sự của Bên B không gây mất an toàn, không làm gián đoạn hoạt động chuyên môn, không gây thiệt hại cho Bên A, người bệnh, thân nhân người bệnh, nhân viên hoặc bên thứ ba.

11.6. Chịu mọi chi phí phát sinh do lỗi của Bên B, bao gồm chi phí thu hồi, vận chuyển, kiểm định, kiểm nghiệm, đổi trả, sửa chữa, khắc phục, thuê phương án thay thế, bồi thường thiệt hại và các chi phí hợp lý khác.

11.7. Tuân thủ quy định của Bên A về an toàn, phòng cháy chữa cháy, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo mật thông tin, ra vào khu vực chuyên môn và các quy định nội bộ liên quan khi thực hiện công việc tại Bệnh viện.

11.8. Không chuyển nhượng, giao khoán, ủy quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ Hợp đồng cho bên thứ ba nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

## **Điều 12. Liêm chính, xung đột lợi ích và bảo mật thông tin**

12.1. Bên B cam kết không thông đồng, dàn xếp, nâng giá, ép giá, đưa, nhận, môi giới lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc quá trình thực hiện Hợp đồng.

12.2. Bên B cam kết không có xung đột lợi ích với Bên A. Nếu phát sinh hoặc phát hiện xung đột lợi ích, Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản để Bên A xem xét, xử lý theo quy định.

12.3. Bên B có trách nhiệm bảo mật thông tin người bệnh, thông tin chuyên môn, thông tin tài chính, thông tin nội bộ, dữ liệu hệ thống, tài khoản truy cập và mọi thông tin không công khai mà Bên B biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

12.4. Bên B không được sử dụng hình ảnh, tên gọi, logo, dữ liệu, hồ sơ, kết quả chuyên môn hoặc thông tin của Bên A cho mục đích quảng cáo, truyền thông, thương mại hoặc mục đích khác nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

12.5. Vi phạm nghĩa vụ liêm chính, xung đột lợi ích hoặc bảo mật thông tin được xem là vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng và là căn cứ để Bên A chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định.

## **Điều 13. Vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

13.1. Trường hợp Bên B giao hàng chậm, giao thiếu, giao không đúng chủng loại, không đúng quy cách, không đúng chất lượng, không đủ hồ sơ, không đúng tiến độ hoặc không thực hiện nghĩa vụ hỗ trợ kỹ thuật, Bên A có quyền yêu cầu khắc phục, từ chối nhận hàng, từ chối thanh toán, phạt vi phạm, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt Hợp đồng.

13.2. Mức phạt vi phạm do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc Biên bản thương thảo,

nhưng không vượt quá mức pháp luật cho phép. Trường hợp không ghi tỷ lệ cụ thể, hai bên áp dụng mức phạt theo quy định pháp luật hiện hành đối với phần nghĩa vụ bị vi phạm.

13.3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa không đúng chất lượng, không đúng Hồ sơ đề xuất, không bảo đảm an toàn, gây sai lệch kết quả chuyên môn, làm gián đoạn hoạt động chuyên môn hoặc gây thiệt hại, Bên B phải thu hồi, đổi trả, khắc phục, chịu chi phí phát sinh và bồi thường thiệt hại cho Bên A theo quy định.

13.4. Trường hợp Bên B sử dụng tài liệu không trung thực, giả mạo, không hợp pháp hoặc che giấu thông tin ảnh hưởng đến việc lựa chọn và thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền hủy kết quả lựa chọn, chấm dứt Hợp đồng, không thanh toán phần chưa nghiệm thu, yêu cầu hoàn trả chi phí, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định.

13.5. Việc áp dụng phạt vi phạm không làm mất quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, quyền từ chối thanh toán, quyền khấu trừ, quyền chấm dứt Hợp đồng và các quyền khác của Bên A theo Hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 14. Tạm ngừng, chấm dứt Hợp đồng và xử lý sau chấm dứt**

14.1. Bên A có quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng trong trường hợp hàng hóa, thiết bị, hồ sơ, tiến độ hoặc phương án thực hiện của Bên B có dấu hiệu không bảo đảm yêu cầu, ảnh hưởng hoạt động chuyên môn, an toàn người bệnh hoặc quyền lợi của Bên A.

14.2. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp: hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ; hai bên thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản; một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và không khắc phục trong thời hạn hợp lý; Bên B không còn khả năng cung cấp hàng hóa hoặc duy trì nghĩa vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật; hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật.

14.3. Trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên B, Bên A có quyền lựa chọn nhà cung cấp khác để bảo đảm hoạt động của Bệnh viện; mọi chi phí chênh lệch, thiệt hại hợp lý phát sinh do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

14.4. Khi Hợp đồng chấm dứt, Bên B phải phối hợp bàn giao hồ sơ, đối chiếu công nợ, thu hồi tài sản của Bên B nếu có, bảo đảm không làm gián đoạn hoặc gây mất an toàn cho hoạt động của Bên A.

14.5. Các nghĩa vụ về bảo mật thông tin, bảo hành, bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm, thanh toán phần đã nghiệm thu hợp lệ và các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chấm dứt vẫn tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hoàn thành.

#### **Điều 15. Bất khả kháng**

15.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

15.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất, cung cấp tài liệu chứng minh nếu có và áp dụng mọi biện pháp hợp lý để hạn chế thiệt hại.

15.3. Hai bên phối hợp xử lý hậu quả của sự kiện bất khả kháng trên nguyên tắc bảo đảm hoạt động chuyên môn của Bệnh viện, an toàn người bệnh và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

15.4. Sự kiện bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với phần hàng hóa

đã được nghiệm thu hợp lệ trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

### **Điều 16. Giải quyết tranh chấp**

16.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác, thiện chí và bảo đảm hoạt động của Bệnh viện.

16.2. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết theo quy định pháp luật.

16.3. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ không có tranh chấp, trừ trường hợp việc tiếp tục thực hiện có nguy cơ gây thiệt hại, mất an toàn hoặc hai bên có thỏa thuận khác.

### **Điều 17. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung và điều khoản chung**

17.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày ...../...../2026 theo thỏa thuận của hai bên và hết hiệu lực khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trừ các nghĩa vụ tiếp tục có hiệu lực sau khi chấm dứt theo Hợp đồng này.

17.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp của hai bên và phù hợp hồ sơ mua sắm, kết quả lựa chọn nhà cung cấp đã được phê duyệt.

17.3. Trường hợp một điều khoản của Hợp đồng bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực; hai bên thỏa thuận điều khoản thay thế phù hợp mục đích của Hợp đồng và quy định pháp luật.

17.4. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

17.5. Các phụ lục, biên bản, văn bản đặt hàng, biên bản nghiệm thu, biên bản xử lý vi phạm và các tài liệu được hai bên ký xác nhận trong quá trình thực hiện là bộ phận cấu thành hoặc căn cứ thực hiện Hợp đồng.

17.6. Hai bên cam kết đã đọc, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; tự nguyện ký kết và nghiêm túc thực hiện Hợp đồng này./.

### **ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

### **ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA CUNG CẤP**  
*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HD-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

**I. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ CỦA HÀNG HÓA**

| Stt | Tên hàng hóa                                     | Tên thương mại/Mã hàng | Model/Quy cách | Hãng SX/Nước SX | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|------------------------|----------------|-----------------|-----|----------|---------|------------|
| 1   | Máy tầm soát tim bẩm sinh                        | Theo HSĐX              | Theo HSĐX      | Theo HSĐX       | Cái | 01       |         |            |
| 2   | Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh           | Theo HSĐX              | Theo HSĐX      | Theo HSĐX       | Cái | 01       |         |            |
| 3   | Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) | Theo HSĐX              | Theo HSĐX      | Theo HSĐX       | Cái | 02       |         |            |

**Tổng cộng:** ..... **đồng.**

Bằng chữ: .....

*Ghi chú: Đơn giá và thành tiền được hoàn thiện sau khi có kết quả lựa chọn nhà cung cấp, căn cứ Hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.*

**II. YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA HÀNG HÓA**

Bên B phải cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cơ bản dưới đây hoặc thông số tương đương/tốt hơn đã được Bên A chấp thuận trong Hồ sơ đề xuất và Biên bản thương thảo.

**1. Máy tầm soát tim bẩm sinh - số lượng: 01 cái**

*Thiết bị sàng lọc tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh, theo dõi SpO<sub>2</sub>, PR, PI; có phần mềm sàng lọc CCHD, lưu trữ thông tin bệnh nhân và kết nối máy tính để in kết quả.*

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính có pin sạc và tích hợp phần mềm sàng lọc tim bẩm sinh ở trẻ sơ sinh (CCHD): 01 cái.

- Cáp nối: 01 cái.

- Sensor SpO<sub>2</sub> loại dùng một lần cho sơ sinh: 10 cái.

- Dây nguồn: 01 cái.

- Xe đẩy máy: 01 cái.

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Sử dụng công nghệ có thể đo tốt trong trường hợp bệnh nhân chuyển động hoặc có chỉ số tưới máu thấp.

- Theo dõi được các chỉ số: SpO<sub>2</sub> - độ bão hòa oxy trong máu; PR - nhịp mạch; PI - chỉ số tưới máu.

- Có tích hợp phần mềm sàng lọc tim bẩm sinh, lưu trữ thông tin bệnh nhân và kết nối máy tính để in kết quả.

- Có thể nâng cấp theo dõi các chỉ số SpMet, SpCO, SpHb.

- Thời gian theo dõi xu hướng Trend lên đến  $\geq 96$  giờ.

- Có thể lựa chọn cài đặt cho từng đối tượng bệnh nhân: trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.

- Màn hình màu HD 1080p, hiển thị LCD, có thể điều chỉnh độ sáng.

- Màn hình có thể tự động xoay theo kiểu đặt của máy; màn hình cảm ứng đa điểm.

- Cảm biến ánh sáng giúp tự động điều chỉnh độ sáng màn hình để tối ưu hóa khả năng hiển thị trong các cài đặt khác nhau.

- Có tích hợp chân xoay để cho phép đặt máy theo chiều dọc.

- Pin sạc loại Li-ion, thời gian sử dụng  $\geq 7$  giờ, thời gian sạc  $\leq 3$  giờ.

- Lựa chọn giao tiếp: WiFi (802.11abg), Bluetooth LE, giao diện báo gọi y tá, Ethernet, cổng USB.

- Nguồn điện 110/220 VAC, 47 - 63 Hz; báo động bằng hình ảnh và âm thanh; có đèn hiển thị trạng thái của hệ thống.

- Dây đo và độ chính xác SpO<sub>2</sub>: với độ bão hòa 70% đến 100%. Sai số khi không chuyển động: người lớn/nhi khoa/trẻ em  $\leq 2\%$ , trẻ sơ sinh  $\leq 3\%$ ; sai số khi chuyển động: người lớn/nhi khoa/trẻ em/trẻ sơ sinh  $\leq 3\%$ ; sai số khi chỉ số tước máu thấp: người lớn/nhi khoa/trẻ em/trẻ sơ sinh  $\leq 2\%$ .

- Với độ bão hòa 60% đến 80%: sai số khi không chuyển động đối với người lớn/nhi khoa/trẻ sơ sinh:  $\leq 3\%$ .

- Nhịp tim PR: dải đo từ  $\leq 25$  đến  $\geq 240$  nhịp/phút; sai số khi không chuyển động  $\leq 3$  bpm; khi có chuyển động  $\leq 5$  bpm; khi chỉ số tước máu thấp  $\leq 3$  bpm.

## **2. Máy kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh - số lượng: 01 cái**

*Thiết bị kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh, hỗ trợ đo TEOAE/DPOAE, tự động phân tích kết quả, lưu dữ liệu và kết nối in kết quả.*

a) Cấu hình cung cấp đáp ứng tương đương:

- Máy chính và đầu dò kèm theo: 01 bộ.

- Bộ đầu tai nghe dùng cho trẻ em, đường kính 3 - 12 mm: 01 hộp.

- Tai giả: 01 cái.

- Chỉ nha khoa: 01 bịch.

- Tháo đầu dò: 01 cái.

- Hướng dẫn kỹ thuật máy: 01 bộ.

- Túi đựng máy: 01 cái.

- Điện thoại và phần mềm trước khi cài đặt: 01 bộ.

- Máy in Bluetooth cầm tay: 01 máy.

- Hộp bảo vệ: 01 cái.

b) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Công nghệ đo TEOAE.

- Khoảng tần số đầu dò OAE: 500 - 5000 Hz; cường độ kích thích: 30 - 90 dB SPL.
- Phổ kích thích phẳng: dải tần số 1 - 4 kHz không lớn hơn 6 dB; dải tần số 0,5 - 5 kHz không lớn hơn 15 dB; độ nhiễu vào ở tần số 500 - 5000 Hz không lớn hơn 15 dB.
- Công nghệ đo DPOAE: khoảng tần số 0,5 - 12 kHz; cường độ kích thích 0 - 70 dB SPL; điều biến intermodulation bậc 3 kích thích không lớn hơn -80 dB.
- Tự động phân tích kết quả; có chỉ thị chất lượng tín hiệu đầu dò.
- Số bài test được lưu trong bộ nhớ điện thoại > 10.000; số bệnh nhân được lưu trong bộ nhớ điện thoại > 10.000.
- Chế độ thu nhận OAE tiêu thụ điện năng thiết bị: 350 mW.
- Thời gian vận hành khi pin sạc đầy: hơn 10 giờ.
- Tương tác kết nối: Bluetooth/USB.
- Điện áp cung cấp cho thiết bị: 5V.
- Khối lượng: không lớn hơn 0,07 kg; tổng khối lượng đủ phụ kiện không lớn hơn 1 kg.
- Độ an toàn: BF; bảo vệ shock điện với nguồn cấp điện trong.

### **3. Đèn soi lấy máu tĩnh mạch sơ sinh (máy soi vein) - số lượng: 02 cái**

*Đèn soi hỗ trợ lấy máu tĩnh mạch sơ sinh, kích thước nhỏ gọn, pin sạc, LED ánh sáng đỏ.*

Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đáp ứng tương đương:

- Kích thước khoảng 165 x 38,5 x 34 mm.
- Cân nặng khoảng 200 g, kể cả pin.
- LED: 03 đèn nhỏ bên trong, màu đỏ 620 - 630 nm.
- Nhiệt độ an toàn: 60 độ C.
- Đầu vào: 100 - 200V, đầu sạc Type C; đầu ra: 5V.
- Pin: 3,7V 1600 mAh, có thể sạc lại, Li-ion.
- Điều kiện hoạt động: 10 độ C đến 40 độ C, độ ẩm không khí 30% - 85% RH.
- Điều kiện bảo quản: -20 độ C đến +60 độ C, độ ẩm không khí 10% - 95% RH./.

**PHỤ LỤC 02**  
**TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG, LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ, ĐÀO TẠO VÀ BÀN GIAO**  
*(Kèm theo Hợp đồng số ...../HD-BVPSTG ngày ...../...../2026)*

| <b>Stt</b> | <b>Nội dung</b>                    | <b>Thời gian yêu cầu</b> | <b>Khối lượng/số lượng</b> | <b>Địa điểm giao</b>       | <b>Đầu mối nhận</b>      | <b>Hồ sơ kèm theo</b>  |
|------------|------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|--|
| 1          | Giao hàng                          | Theo Hợp đồng/HSDX       | Theo Phụ lục 01            | BV Phụ sản Tiền Giang      | Theo phân công của Bên A | Phiếu giao hàng, hóa đơn, hồ sơ pháp lý, chứng từ chất lượng |
| 2          | Lắp đặt, chạy thử, đào tạo sử dụng | Theo Hợp đồng/HSDX       | Toàn bộ thiết bị           | Địa điểm do Bên A chỉ định | Đơn vị sử dụng           | Biên bản lắp đặt, chạy thử, bàn giao, hướng dẫn sử dụng      |
| 3          | Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật          | Trong thời gian bảo hành | Toàn bộ thiết bị           | BV Phụ sản Tiền Giang      | Đơn vị sử dụng           | Phiếu bảo hành, phiếu công tác, tài liệu liên quan           |